TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/DS-ST Ngày: 09-5-2023 "V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tìa Thị G, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Tuấn H – Luật sư thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Bà Tìa Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Minh T – Luật sư thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tìa S (có mặt).

2. Bà Tìa Thị D (vắng mặt).

3. Bà Tìa Thị H1 (vắng mặt).

4. Ông Tìa K (có mặt).

5. Ông Sơn Minh H (có mặt).

6. Bà Tìa Thị P, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng trú ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà Danh Thị S (có mặt).

Trú ấp Y, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Võ Thị C (có mặt).

Trú ấp N, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

9. Ông Quách Hưng Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tuấn H, ấp Chợ M, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh N, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lý T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông La M, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Lâm Văn V, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Thạch Thị C1, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2020 của nguyên đơn bà Tìa Thị G và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Tìa Thị G trình bày:

Cha mẹ bà là ông Tìa S, bà Thị C (chết ngày 09/9/2014) có tất cả 07 người con chung, cụ thể: bà Tìa Thị G (nguyên đơn), bà Tìa Thị D, bà Tìa Thị H1, bà Tìa Thị H (bị đơn), ông Tìa K, bà Tìa Thị H* (đã chết khi còn nhỏ) và bà Tìa Thị H** (đã chết khi còn nhỏ). Ngoài ra, cha mẹ không có con riêng, con nuôi.

Tài sản chung của cha mẹ bà trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất 637, tờ bản đồ 35, diện tích 9.937,5m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc do ông bà ngoại của bà là ông Thạch M và bà Thị N cho cha mẹ bà và cha mẹ bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do mẹ bà chết không để lại di chúc nên sau đó gia đình bà có họp gia tộc để phân chia tài sản nêu trên nhưng cha bà và các anh em của bà chưa thống nhất với nhau, dẫn đến không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản do mẹ bà chết để

lại. Sau đó bà phát hiện bà Tìa Thị H đã làm thủ tục sang tên toàn bộ diện tích đất nêu trên cho bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà là con thứ hai trong gia đình nhưng từ trước đến nay cha mẹ không cho bà phần đất nào, riêng các anh em khác đều được cha mẹ chia đất cho, khi mẹ chết bà có yêu cầu chia phần đất trên nhưng cha bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 637, tờ bản đồ 35, tọa lạc ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, trong đó yêu cầu chia phần di sản mẹ bà chết để lại là diện tích 4.968,75m^2 nằm trong tổng diện tích 9.937,5m^2, bà yêu cầu được nhận đất. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất thừa kế nêu trên do bà Tìa Thị H đứng tên quyền sử dụng do là di sản thừa kế của mẹ bà.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2021 đối với bị đơn bà Tìa Thị H và quá trình làm việc tại Tòa án bà Tìa Thị H trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà G về việc cha mẹ bà là ông Tìa S, bà Thị C (chết năm 2014) có tất cả 07 người con chung, chết 02 người còn lại 05 người. Ngoài ra, cha mẹ bà không có con riêng, con nuôi.

Đối với phần diện tích đất đang tranh chấp 9.937,5m^2 đất trồng lúa tại thửa 637, tờ bản đồ 35, tọa lạc ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc của cha mẹ bà như bà G trình bày là đúng. Hiện nay bà được cấp quyền sử dụng toàn bộ diện tích nêu trên do bà nhận chuyển nhượng từ cha mẹ bà 03 lần, cụ thể:

Lần 01 vào khoảng tháng 4 năm 2006 cha mẹ cố cho bà 03 công tầm cấy giá 01 cây vàng 24K, đến tháng 09 năm 2013 cha mẹ bán đứt cho bà phần đất này với giá 03 cây vàng 24K, do không đủ tiền nên bà đem cố đất cho bà Danh Thị S, việc chuyển nhượng đất không làm giấy tờ.

Lần 02 vào năm 2014 để có tiền lo chi phí chữa bệnh và tiền ma chay, mồ mã khi mẹ bà chết, cha bà tiếp tục bán cho bà 02 công tầm cấy cặp lộ với giá 05 cây vàng 24K, có làm giấy tay, thời điểm đó anh chị em có ký tên gồm Tìa K, Tìa Thị H1 và Tìa Thị H.

Lần 03 vào năm 2016 ông Tìa K bỏ ông S sống một mình nên ông S tiếp tục chuyển nhượng cho bà diện tích 864m^2, cùng thời điểm đó ông S cho bà chuộc lại 01 công đất mà cha mẹ bà đã cố cho bà Võ Thị C trước đó.

Đầu năm 2018 cơ quan Nhà nước đã cấp quyền sử dụng đất cho bà đứng tên. Các tài sản khác của cha mẹ khi còn sống đã chia cho các anh chị em, đối với bà G cha mẹ đã chia phần đất trên 05 công tầm cấy nhưng bà G đã bán cho người khác, nay bà G lại tiếp tục yêu cầu chia phần đất mà bà nhận chuyển nhượng từ cha mẹ nên bà không đồng ý.

Lúc bà Thị C còn sống cha mẹ có nợ nần nhiều người cụ thể:

Nợ bà Trương B 01 cây vàng 24K (do làm đường đan đi vô nhà) và 45 giạ lúa (do mướn đất của bà B canh tác);

Nợ ông Lâm V gần 20.000.000 đồng;

Nợ vật tư nông nghiệp ông T khoảng 30 đến 40 triệu đồng;

Nợ Ngân hàng X huyện Thạnh T khoảng 100.000.000 đồng;

Nợ bà Võ Thị C khoảng 26.000.000 đồng (do cố đất ruộng).

Ngoài ra, khi mẹ bà đau ốm nằm viện và đến khi chết, tổng chi phí viện phí và mai táng phí, xây mồ mã, đãi đám tang khoảng 80 đến 90 triệu đồng. Cha bà là người đứng ra lo trả nợ và mai táng cho mẹ. Nên để có tiền ông S bắt buộc phải bán số đất trên, bà đã mua lại đất hợp pháp nên các anh chị em yêu cầu chia thừa kế diện tích đất nêu trên và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2021 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tìa S và quá trình làm việc tại Tòa án ông Tìa S trình bày:

Thống nhất lời trình bày của Tìa Thị H là đúng sự thật. Phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông do cha mẹ vợ là ông Thạch M và bà Thị N cho, ông đứng tên quyền sử dụng. Ông và bà Thị C (chết năm 2014) có tất cả 07 người con chung, chết 02 người còn lại 05 người như bà G trình bày là đúng, ngoài ra không có con riêng, con nuôi. Vợ chồng ông sống chung với con út là Tìa K, năm 2014 vợ ông chết, cách đây khoảng 03 – 04 năm thì Tìa K về bên vợ sống, hiện tại ông sống cùng vợ chồng Tìa Thị H. Ông có bán đất cho bà H 03 lần như bà H trình bày là đúng, ngoài ra ông có kêu bà H chuộc lại 01 công đất mà trước đây vợ chồng ông cố cho bà Võ Thị C. Hiện tại đất bà H đã được cấp quyền sử dụng.

Lúc vợ ông bà Thị C còn sống thì vợ chồng có nợ chung của nhiều người như bà H đã trình bày là đúng, tất cả khoản nợ và chi phí ông đều thanh toán, số tiền có được do ông bán đất cho vợ chồng bà H. Nay vợ chồng bà H đã được cấp quyền sử dụng đất và đang canh tác trực tiếp. Các con đều đã được vợ chồng ông chia đất, riêng bà G được chia cho 05 công nhưng bà G đã bán cho người khác, nay bà G tiếp tục đòi chia thừa kế trên phần đất mà ông đã bán cho bà H là ông không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2021 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tìa Thị D có lời trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà G là đúng, cha mẹ bà là ông Tìa S, bà Thị C (chết năm 2014) có tất cả 07 người con chung, đã chết 02 người, còn lại 05 người. Cha mẹ bà có chia cho bà được 03 công tầm cấy, riêng chị thứ hai là Tìa Thị G thì chưa được chia đất. Nay bà G yêu cầu chia đất như đơn khởi kiện của bà G là bà thống nhất, trường hợp Tòa án chia phần thừa kế cho bà thì bà từ chối nhận mà đồng ý tự nguyện cho bà Tìa Thị G phần di sản của mẹ bà để lại mà bà được hưởng. Ngoài ra việc cha bà và Tìa Thị H trình bày nợ nần của cha mẹ là bà không biết. Riêng chi phí đám tang cha bà trình bày 80 – 90 triệu đồng là bà không thống nhất, tiền đám tang chỉ khoảng mười mấy triệu đồng do xây mồ mã, còn tiền đãi đám tang những người đi đám có phúng điếu, ngoài ra tiền mua gương hàng anh chị em mỗi người có góp khoảng 2 triệu đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2021 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tìa Thị H1 có lời trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà G là đúng. Cha mẹ bà có chia cho bà được 03 công tầm cấy, riêng chị thứ hai là Tìa Thị G thì chưa được chia đất. Nay bà G yêu cầu chia đất như đơn khởi kiện của bà G là bà thống nhất, trường hợp Tòa án chia phần thừa kế cho bà thì bà từ chối nhận mà đồng ý tự nguyện cho bà Tìa Thị G phần di sản của mẹ bà để lại mà bà được hưởng. Ngoài ra việc cha mẹ bà có nợ nần ai hay không bà không biết. Chi phí mai táng là do con cháu mỗi người ra một ít để lo cho mẹ, cha bà nói cha bà bỏ ra 80 – 90 triệu đồng để lo đám tang là bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2021, ngày 22/9/2022 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tìa K và tại phiên tòa ông K trình bày:

Cha mẹ ông là ông Tìa S, bà Thị C (chết năm 2014) có tất cả 07 người con chung, đã chết 02 người, còn lại 05 người, ông là con út, trước đây ông sống cùng cha mẹ, cách đây khoảng 02 – 03 năm thì ông có vợ và về Trà Vinh sinh sống đến nay, cha ông hiện ở với chị Tìa Thị H. Cha mẹ trước đây có chia cho ông 03 công tầm cấy đất ruộng hiện ông để cho chị Tìa Thị G canh tác. Đối với phần đất đang tranh chấp thống nhất là đất của cha mẹ, trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế phần đất trên theo yêu cầu của chị G, đối với phần di sản ông được hưởng ông đồng ý tự nguyện cho chị G, do từ trước đến nay cha mẹ chưa chia đất cho chị G. Đối với nợ nần của cha mẹ và các chi phí mai táng của mẹ thì ông không biết do không để ý. Trước đây ông có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông để thế chấp vay ngân hàng X số tiền 100.000.000 đồng ông đã thanh toán và chuộc giấy về giao trả cho cha ông là ông Tìa S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn Minh H trình bày:

Thống nhất lời trình bày của vợ ông bà Tìa Thị H là đúng sự thật, vợ chồng ông thống nhất mua đất của cha vợ ông S, lý do không bán cho vợ chồng ông ông S cũng bán cho người khác để lo trả nợ và làm chi phí đám tang cho mẹ vợ. Nay bà G yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất vợ chồng ông đã mua là ông không đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hưng Đ có lời trình bày:

Ông là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Tấn H. Ông Tìa S và bà Thị C có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông nhiều năm, thông thường mua nợ sau khi thu hoạch lúa thì thanh toán, từ trước đến nay bà Thị C đều đến cửa hàng mua vật tư nông nghiệp và thanh toán tiền, tính đến ngày 18/8/2014 âm lịch bà C còn nợ lại 4.020.000 đồng, ông có sổ sách theo dõi và số tiền này chưa được thanh toán, bà C đã chết nhưng gia đình bà C chưa ai đến thanh toán số tiền còn nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2021 và tại tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tìa Thị P trình bày:

Năm 2019 bà có nhận chuyển nhượng của bà Tìa Thị H nửa công tầm cấy đất cặp lộ, là phần đất bà H mua của ông Tìa S trước đây, việc chuyển nhượng đất giữa bà và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2021 và tại tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị S trình bày:

Thời gian không nhớ, bà H có cố cho bà 03 công tầm cấy đất ruộng, giá 01 cây vàng 24K thời hạn 03 năm cho chuộc lại đất, có làm giấy tay nhưng đến nay bà H chưa chuộc, thỏa thuận nhưng cho bà H thuê lại đất canh tác với giá lúa 45 giạ lúa tài nguyên. Đất cố có nguồn gốc của cha mẹ bà H việc ai đứng tên bà không biết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Võ Tuấn H tranh luận, lập luận, đánh giá chứng cứ và đề nghị:

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của bà C thành 06 phần bằng nhau bằng hiện vật, phần bà G được chia 04 kỷ phần trong đó của bà G, bà H1, bà D và ông K do họ tự nguyện cho bà Giêng, đồng thời đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H liên quan đến phần di sản thừa kế.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm Minh T tranh luận, lập luận, đánh giá chứng cứ và đề nghị:

Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do việc chuyển nhượng đất là có thật, hợp đồng tặng cho chỉ là hợp thức hóa, diện tích đất chuyển nhượng thời điểm bà C còn sống là 03 công và sau khi bà C chết là 02 công để lo chi phí đám tang, mồ mã, tương đương 6.500m^2 là lớn hơn phần diện tích đất là di sản bà C để lại, việc chuyển nhượng đất là có thật và hợp pháp. Việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di sản bà C để lại là ½ diện tích đất nằm trong tổng diện tích đất là tài sản chung của bà C, ông S, cụ thể diện tích 4.947,8m^2, trị giá 247.390.000 đồng, trừ nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, di sản thừa kế của bà C có giá trị còn lại là 171.380.000 đồng, đề nghị chia thành 07 kỷ phần, trong đó chia mỗi người thừa kế 01 kỷ phần bằng nhau, riêng người thờ cúng được thêm 01 kỷ phần, đối với bà G chia 04 kỷ phần gồm 01 kỷ phần của bà G và 03 kỷ phần do bà D, bà H1, ông K tự nguyện cho bà G. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn bà Tìa Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp là đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng gồm bà Tìa Thị D, bà Tìa Thị H1, ông Quách Hưng Đ, ông Nguyễn Thái B, ông Lý T, ông La M và ông Lâm Văn V. Phiên tòa được mở lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người vừa nêu.

[2] Về thời hiệu thừa kế, thời điểm và địa điểm mở thừa kế:

Bà Thị C, sinh năm 1947, chết ngày 09/9/2014 là mẹ ruột của nguyên đơn bà Tìa Thị G và bị đơn bà Tìa Thị H. Ngày 17/7/2020 bà G làm đơn khởi kiện và nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh T yêu cầu chia thừa kế là bất động sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, căn cứ quy định trên thời hiệu thừa kế vẫn còn. Thời điểm mở thừa kế là ngày bà C chết ngày 09/9/2014, địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản tại ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về người thừa kế và quyền thừa kế:

Theo các đương sự trình bày, cũng như hồ sơ thể hiện, ông Tìa S và bà Thị C là vợ chồng, ông S, bà C có tất cả 07 người con chung gồm bà Tìa Thị G (nguyên đơn), bà Tìa Thị D, bà Tìa Thị H1, bà Tìa Thị H (bị đơn), ông Tìa K, bà Tìa Thị H* (chết lúc 06 tuổi) và bà Tìa Thị H**(chết lúc 06 tuổi). Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi. Bà C chết không để lại di chúc. Căn cứ theo Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án xác định ông Tìa S, bà Tìa Thị G (nguyên đơn), bà Tìa Thị D, bà Tìa Thị H1, bà Tìa Thị H (bị đơn), ông Tìa K là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thị C, không ai trong số những người này rơi vào trường hợp không được hưởng di sản theo quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự nên đều có đầy đủ quyền thừa kế.

[4] Về di sản thừa kế:

Đương sự đều thống nhất trình bày, phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế của Tòa án có diện tích 9.895,6m^2, loại đất lúa, tại thửa 637, tờ bản đồ 35, tọa lạc ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, do bà Tìa Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận ngày 07/02/2018, có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng ông Tìa S và bà Thị C, theo Điều 14 luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng, thuộc sở hữu chung hợp nhất. Ngày 09/9/2014 bà Thị

C chết mặc nhiên ½ tài sản chung nêu trên đã trở thành di sản thừa kế của bà C là diện tích đất 4.947,8m^2.

Theo hồ sơ trích lục tại Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp đã thể hiện, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Tìa Thị H được cấp có nguồn gốc được tặng cho đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do được ông Tìa S làm hợp đồng tặng cho được chứng thực ngày 20/12/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tìa Thị H trình bày lý do bà được cấp quyền sử dụng đất không phải do ông Tìa S tặng cho, hợp đồng tặng cho chỉ là hợp thức hóa, thực chất bà nhận chuyển nhượng từ cha mẹ 03 lần, cụ thể: Lần 01 vào khoảng tháng 4 năm 2006 cha mẹ cố cho bà 03 công tầm cấy giá 01 cây vàng 24K, đến tháng 09 năm 2013 cha mẹ bán cho bà phần đất này với giá 03 cây vàng 24K, do không đủ tiền nên bà đem cố đất cho bà Danh Thị S ngụ cùng ấp để chung đủ tiền cho cha mẹ, việc chuyển nhượng đất không làm giấy tờ do là cha mẹ. Lần 02 vào năm 2014 để có tiền lo chi phí chữa bệnh và tiền ma chay, mồ mã khi mẹ chết, cha bà tiếp tục bán cho bà 02 công tầm cấy cặp lộ với giá 05 cây vàng 24K có làm giấy tay, thời điểm đó anh chị em có ký tên gồm Tìa K, Tìa Thị H1 và Tìa Thị H. Lần 03 vào năm 2016 cha bà tiếp tục chuyển nhượng cho bà diện tích 864m^2, cùng thời điểm đó cha bà cho bà chuộc lại 01 công đất đã cố cho bà Võ Thị C trước đó.

Nhận thấy đối với lần chuyển nhượng thứ nhất bị đơn cho rằng có nhận chuyển nhượng từ cha mẹ 03 công tầm cấy vào năm 2013, thời điểm này bà C còn sống nhưng bị đơn bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khi còn sống mẹ bà là bà C và cha là ông S có chuyển nhượng đất cho bà. Đối với lần chuyển nhượng thứ hai và lần thứ ba bị đơn bà H trình bày thống nhất với lời trình bày của ông S về diện tích chuyển nhượng và thời gian vào năm 2014 và 2016, tuy nhiên 02 lần chuyển nhượng sau được thực hiện sau khi bà C chết nhưng không có được sự đồng ý của tất cả những người con của bà C và ông S. Trong vụ án này bị đơn bà H cũng không có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng đất giữa bà với cha mẹ, do đó không đặt ra xem xét hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng. Từ những lập luận và phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để khấu trừ diện tích bị đơn bà H nhận chuyển nhượng vào diện tích 9.937,5m^2 là tài sản chung của ông Tìa S và bà Thị C.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định phần di sản của bà C chính là ½ diện tích đất trong tổng diện tích tài sản chung, cụ thể diện tích 4.947,8m^2. Ngoài di sản trên thì bà C không còn di sản nào khác để phân chia, các đương sự đều không yêu cầu chia di sản nào khác. Phần diện tích còn lại 4.947,8m^2 là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tìa S.

[5] Về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

Bà H và ông S đều trình bày, khi còn sống bà C có nợ nhiều người cụ thể: Nợ bà Trương B 01 cây vàng 24K (do làm đường đan đi vô nhà) và 45 giạ lúa (do mướn đất của bà B canh tác); Nợ ông Lâm V gần 20.000.000 đồng; Nợ vật tư nông nghiệp ông T khoảng 30 đến 40 triệu đồng; Nợ Ngân hàng X huyện Thạnh T khoảng 100.000.000 đồng; Nợ bà Võ Thị C khoảng 26.000.000 đồng (do cố đất

ruộng). Nợ 01 cây vàng của bà Danh Thị S do cố đất. Ngoài ra, khi bà C đau ốm nằm viện và đến khi chết tổng chi phí viện phí và mai táng phí, xây mồ mã, đãi đám tang khoảng 80 đến 90 triệu đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh theo yêu cầu của đương sự, kết quả không xác định được bà Trương B (Tô Tú B) đang ở đâu; ông Lâm V trình bày không có nợ; đối với số nợ 100.000.000 đồng vay tại Ngân hàng X, qua xác minh ông Tìa K thừa nhận là do ông đứng vay và mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tìa S để thế chấp ngân hàng vay tiền. Ngân hàng đã có công văn gửi Tòa án nội dung ông Tìa K chính là người vay và thanh toán số nợ trên vào ngày 28/11/2016. Các chi phí điều trị, viện phí bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, do bị đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số nợ 26.000.000 đồng của bà Võ Thị C, tại phiên tòa bà C trình bày trước đây do bà Thị C nhờ bà hỏi vay dùm 20.000.000 đồng, sau khi bà Thị C chết bà H và ông S thống nhất chốt nợ gốc lãi 26.000.000 và làm cho bà giấy tay cầm cố đất, sau đó bà cho thuê lại đất không trực tiếp canh tác. Đối với nợ 01 lượng vàng 24K do bà H cố đất cho bà Danh Thị S để trả nợ cho bà Thị C, tại phiên tòa ông S đều thừa nhận nợ bà C và bà S đều là nợ chung của vợ chồng ông. Qua xác minh Cửa hàng vật tư nông nghiệp ông T do ông Quách Hưng Đ làm chủ trình bày bà Thị C có nợ 4.020.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định nợ chung của ông S, bà Thị C gồm các khoản nợ bà Võ Thị C 26.000.000 đồng, nợ bà Danh Thị S 01 cây vàng 24K (giá vàng tại thời điểm xét xử là 56.000.000 đồng) và nợ cơ sở vật tư Nông nghiệp Quách Hưng Đ 4.020.000 đồng. Tổng cộng là 86.020.000 đồng. Đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên ông Tìa S và bà Thị C mỗi người phải chịu ½ số nợ, theo đó mỗi người phải chịu 43.010.000 đồng.

Tuy nhiên trong vụ án này, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do đó đối với: bà Tô Bú B, ông Quách Hưng Đ, bà Võ Thị C và bà Danh Thị S có quyền khởi kiện ông Tìa S và bà Tìa Thị H bằng một vụ án dân sự khác để được xem xét giải quyết theo quy định.

Đối với ông Tìa S được hưởng ½ diện tích đất 4.947,8m^2, trị giá 247.390.000 đồng. Hiện nay ông Tìa S còn sống nên tài sản này ông Tìa S có quyền quản lý sử dụng. Đồng thời ông Tìa S phải chịu khoản nợ chung là 43.010.000 đồng. Trường hợp bà Tìa Thị H có yêu cầu công nhận diện tích ông S đã chuyển nhượng cho bà H trong phạm vi tài sản thuộc quyền sở hữu của ông S trong khối tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đối với Bà Thị C được hưởng ½ diện tích đất 4.947,8m^2, trị giá 247.390.000 đồng (50.000 đồng/m^2). Tuy nhiên số nợ chung mà bà Thị C có nghĩa vụ phải trả là 43.010.000 đồng. Sau khi khấu trừ nghĩa vụ nợ thì phần di sản thừa kế của Bà Thị C có tổng giá trị 204.380.000 đồng.

Theo Điều 658 Bộ luật Dân sự quy định thứ tự ưu tiên thanh toán các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán theo thứ tự sau đây: *"1. Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng"*.

Qua thu thập, xác minh tài liệu chứng cứ cho thấy chi phí mai táng hợp lý khi

bà Thị C chết bao gồm: Tiền mua quan tài 16.000.000 đồng, tiền mua vật liệu xây mồ mã 12.000.000 đồng và tiền công thợ 5.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng tiền khám bệnh, điều trị, mồ mã, mai táng là 80.000.000 đồng đến 90.000.0000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên chỉ có cơ sở xác định chi phí nghĩa vụ thanh toán từ di sản là 33.000.000 đồng. Do đó sau khi khấu trừ, di sản thừa kế của bà Thị C có giá trị còn lại là 171.380.000 đồng tương ứng với diện tích đất 3.427,6m^2.

[6] Về phương thức chia di sản:

Xét thấy, hàng thừa kế thứ nhất của bà Thị C hiện còn 06 người, các đương sự đều có điều kiện kinh tế khó khăn nên khi chia di sản thừa kế cần xem xét để 01 phần di sản thờ cúng cho bà Thị C. Do đó di sản thừa kế của bà Thị C để lại cần được chia làm 07 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có diện tích tương ứng 489,657m^2 làm tròn 489,6m^2 (có trị giá: 24.482.850 đồng). Trong đó người thờ cúng bà Thị C được hưởng 02 kỷ phần. Hiện tại bà Tìa Thị H chính là người đang thờ cúng bà Thị C, nên bà H được chia 02 kỷ phần, những người còn lại gồm ông Tìa S, bà Tìa Thị G, bà Tìa Thị H1, bà Tìa Thị D và ông Tìa K mỗi người được hưởng 01 kỷ phần.

Tuy nhiên, những người liên quan là bà Tìa Thị H1, Tìa Thị D và Tìa K đều tự nguyện cho phần di sản được hưởng cho nguyên đơn bà Tìa Thị G. Xét thấy, việc các đương sự cho nhau phần di sản được hưởng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Do đó bà G được nhận di sản thừa kế 04 kỷ phần, tương đương 1.958,4 m^2 đất, tại thửa 637, TBĐ số 35 tọa lạc tại ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Tìa Thị H: Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tìa Thị H, do được ông Tìa S làm hợp đồng tặng cho được chứng thực ngày 20/12/2017, không phải giấy được cấp lần đầu, nên không đưa cơ quan cấp giấy vào tham gia tố tụng và không cần thiết phải hủy giấy, mà cơ quan chuyên môn sẽ điều chỉnh sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tìa Thị G không được chấp nhận.

[8] Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tìa Thị G về việc phân chia di sản thừa kế của bà Thị C theo pháp luật, không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Tìa Thị H.

[9] Qua phân tích nêu trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[10] Lập luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn được chấp nhận một phần. Lập luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chưa đủ cơ sở để được chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Đương sự đều là người dân tộc Khmer, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó ông Tìa S là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định pháp luật.

[12] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá 9.040.548 đồng:

Mỗi đương sự phải chịu tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia, cụ thể: Buộc bà Tìa Thị G nộp số tiền 5.166.027 đồng (4/7); Buộc bà Tìa Thị H nộp số tiền 2.583.013 đồng (2/7) Buộc ông Tìa S nộp số tiền 1.291.508 đồng (1/7). Bà Tìa Thị H và ông Tìa S sau khi nộp xong thì hoàn trả cho bà Tìa Thị G số tiền trên, do bà G đã nộp tạm ứng trước.

[13] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 95, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tìa Thị G về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Thị C.

Chia di sản thừa kế của bà Thị C là quyền sử dụng đất có diện tích 3.427,6m^2 nằm trong phần diện tích theo đo đạc thực tế của tòa án là 9.895,6m^2, loại đất lúa, tại thửa 637, tờ bản đồ 35, tọa lạc ấp X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319463, số vào sổ CS04268, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận ngày 07/02/2018 cho bà Tìa Thị H đứng tên quyền sử dụng) cụ thể như sau:

- Chia cho bà Tìa Thị G được quyền sử dụng diện tích đất 1.958,4 m^2, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 16, tờ bản đồ 62 có số đo 6,27m + 9,85m + 38,2m;

+ Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 637 (giáp phần chia cho ông Tìa S) có số đo 43,56m;

+ Hướng Nam giáp thửa 66 và thửa số 6, tờ bản đồ 62 có số đo 50,50m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 640 có số đo 3,8m + 22,78m + 2,45m.

- Chia cho ông Tìa S được quyền sử dụng diện tích đất 489,6m^2, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 637 (giáp phần chia cho bà Tìa Thị G) có số đo 43,56m;

+ Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 637 (phần chia cho bà Tìa Thị H) có số đo 43,77m;

+ Hướng Nam giáp thửa 66 có số đo 11,21m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 640 có số đo 11,21m.

- Chia cho bà Tìa Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 979,2 m^2, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 637 (giáp phần chia cho ông Tìa S) có số đo 43,77m;

+ Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 637 có số đo 44,19m;

+ Hướng Nam giáp thửa 65, 66 có số đo 22,28m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 640 có số đo 22,28m.

Buộc bà Tìa Thị H và ông Sơn Minh H là người đang quản lý, sử dụng đất có nghĩa vụ giao đất cho người được Tòa án phân chia theo diện tích đất nêu trên.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai đối với phần diện tích đất đã được phân chia.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tìa Thị G về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Tìa Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự đều thuộc trường hợp được miễn nộp nên không xử lý.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Tìa Thị G nộp số tiền 5.166.027 đồng và bà G đã nộp xong; Buộc bà Tìa Thị H nộp số tiền 2.583.013 đồng; Buộc ông Tìa S nộp số tiền 1.291.508 đồng. Bà Tìa Thị H và ông Tìa S sau khi nộp xong thì hoàn trả cho bà Tìa Thị G toàn bộ số tiền trên, do bà G đã nộp tạm ứng trước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp